

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(03 THÁNG)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.275	882		
1	Lệ phí		64		
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ		4		
	Lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số		60		
2	Phí		818		
	Phí sử dụng tần số vô tuyến điện		177		
	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân		561		
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ		80		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	700	683		
1	Chi quản lý hành chính	700	683		
	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	700	683		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	575	452		
1	Lệ phí		64		
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ		4		
	Lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số		60		
2	Phí		388		
	Phí sử dụng tần số vô tuyến điện		337		
	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân		27		
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ		24		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	162.587	8.947	5,50%	



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	162.587	8.947	5,50%	
1	Chi quản lý hành chính	29.680	8.872	29,89%	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	20.409	3.903	19,12%	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	9.271	4.969	53,60%	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	127.688	33	0,03%	
	101 - Nghiên cứu cơ bản	42.413	0		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	42.413	0		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	42.413	0		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
	102 - Nghiên cứu ứng dụng	655	0		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	655	0		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	655	0		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
	103 - Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội	2.043	0		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.043	0		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	1.545	0		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	498			
	108 - Khoa học và công nghệ khác	82.577	33	0,04%	
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	82.577	33	0,04%	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	82.577	33	0,04%	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1210	30	2,48%	
	083 - Đào tạo khác trong nước	955			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	955			
	085 - Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức (gồm cả đào tạo ngắn hạn nước ngoài)	255	30	11,76%	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	255	30	11,76%	
4	Chi hoạt động kinh tế	3.997			
	281 - Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	3.997			
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.997			



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5	Chi khác	12	12	100%	
	428 - Khác ngân sách	12	12	100%	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12	12	100%	

Hải Phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Cao Thắng

